TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2024/DS-ST
Ngày 12-12-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC,
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà:*Ông Phạm Trần Hiển

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Mến

2. Bà Ngô Thị Quốc Thanh

-Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy-Thư ký TAND huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trần T-Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 196/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2024/QĐXXST-DS ngày 28/10/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2024/QĐST-DS ngày 22/11/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P

Địa chỉ: Số D (Tầng trệt, tầng lửng, tầng 1, tầng 2 của tòa nhà) và số D L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T1. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Quỳnh H. Chức vụ: Giám đốc Trung tâm R *(Theo Văn bản ủy quyền số 15/2024/UQ-CT.HĐQT ngày 06/5/2024 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).*

Người được ủy quyền lại: Ông Tưởng Anh T2, sinh năm 1983, chức vụ: Chuyên viên chính thu hồi nợ-Phòng thu hồi nợ, có mặt.

Địa chỉ: Số A đường L, phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. *(Giấy ủy quyền số 49/2024/UQ-OCB, ngày 26/8/2024).*

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1985, vắng mặt

Và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1990, vắng mặt

Trú tại: Ấp B, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1961, vắng mặt

Trú tại: Ấp C, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01-4-2024; bản tự khai ngày 27-6-2024, ngày 16-10-2024; biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 15-8-2024, ngày 16-10-2024 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần P, ông Tưởng Anh T2 trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số 0002/2024/CNE/HĐTD ngày 10/01/2024 và Khế ước nhận nợ số 0002/2024/CNE/KUNN-OCB-CN ngày 12/01/2024, ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị T3 có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần P (gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 270.000.000 đồng, lãi suất 3 tháng đầu tiên là 10,2%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 120 tháng.

Để đảm bảo khoản vay trên ông bà có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 772876 do Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp cho bà Nguyễn Thị L1 vào ngày 12/6/2023 (chỉnh lý trang tư) đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 23, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng thế chấp đã công chứng số 0002/2024/CNE/HĐTC ngày 10/01/2024 tại Văn phòng C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, số công chứng 121, quyển số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD.

Từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm (12/12/2024), ông bà chưa trả nợ gốc lãi cho Ngân hàng nên đại diện Ngân hàng, ông T2 yêu cầu ông L, bà T3 trả nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 12/12/2024 như sau:

- Nợ gốc là 270.000.000 đồng

- Nợ lãi là 30.388.362 đồng, trong đó, lãi trong hạn là 27.233.254 đồng; lãi quá hạn là 2.037.363 đồng; lãi chậm trả là 1.117.745 đồng.

Đồng thời, ông bà tiếp tục trả lãi từ ngày 13/12/2024 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông L, bà T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 23, xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 772876 do Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 12/6/2023 (chỉnh lý trang tư) cho bà Nguyễn Thị L1.

Ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị T3 là bị đơn được triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị L1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải* quyết: Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị T3 trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng nên xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Ông L và bà T3 có nơi cư trú tại huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về xét xử vắng mặt*: Ông L và bà T3 là bị đơn; bà Nguyễn Thị L1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các ông bà theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] *Về thay đổi yêu cầu khởi kiện*: Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng yêu cầu ông L, bà T3 trả số tiền gốc là 270.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi xét xử sơ thẩm (12/12/2024) là 30.388.362 đồng, trong đó, lãi trong hạn là 27.233.254 đồng; lãi quá hạn là 2.037.363 đồng; lãi chậm trả là 1.117.745 đồng.

[2] Như vậy, so với yêu cầu khởi kiện ban đầu thì tiền nợ gốc không thay đổi, tiền lãi thay đổi do phát sinh theo hợp đồng tín dụng nên không coi đây là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] Xét thấy, ông L, bà T3 là bị đơn; bà L1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt, như vậy các ông bà đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và trong quá trình Tòa án thu thập để xem xét giải quyết.

[3.2] Xét Hợp đồng tín dụng số 0002/2024/CNE/HĐTD ngày 10/01/2024 và Khế ước nhận nợ số 0002/2024/CNE/KUNN-OCB-CN ngày 12/01/2024, ông L, bà T3 có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền 270.000.000 đồng, lãi suất 3 tháng đầu tiên là 10,2%/năm, từ tháng thứ 4 trở đi lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay tiêu dùng; thời hạn vay 120 tháng. Hợp đồng này thực hiện tự nguyện, nội dung và hình thức hợp đồng không trái pháp luật, đạo đức xã hội theo quy định tại các điều 401, 463, 465, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng đã ký.

[3.3] Không có chứng cứ xác định ông L, bà T3 đã trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Như vậy, ông L, bà T3 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc lãi theo Điều 8 và Điều 11 của Hợp đồng tín dụng số 0002/2024/CNE/HĐTD ngày 10/01/2024 và Khế ước nhận nợ số 0002/2024/CNE/KUNN-OCB-CN ngày 12/01/2024 nên Ngân hàng yêu cầu ông bà có nghĩa vụ trả nợ gốc lãi, đồng thời tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 13/12/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp quy định Điều 466 Bộ luật dân sự, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

[4] *Về tài sản bảo đảm*:

[4.1] Để đảm bảo khoản nợ này, ông L, bà T3 có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 772876 do Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng

Tàu cấp cho bà Nguyễn Thị L1 ngày 12/6/2023 (chỉnh lý trang tư) đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 23 xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

[4.2] Việc thế chấp này có lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0002/2024/CNE/HĐTC ngày 10/01/2024 và được công chứng tại Văn phòng C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, số công chứng 121, quyển số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, nếu ông bà không trả nợ hoặc trả nợ không đúng và đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo Điều 4 của Hợp đồng để thu hồi nợ.

[5] *Về phát biểu của Kiểm sát viên*: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định "*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*". Vì vậy, ông L, bà T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.019.000 đồng *(Tranh chấp từ 60.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng, mức thu án phí là 5%)*

[7] Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

[8] *Chi phí tố tụng*: Ông L, bà T3 phải chịu chi phí tố tụng là 1.000.000 đồng nhưng Ngân hàng đã tạm ứng nên ông L, bà T3 phải hoàn trả lại cho Ngân hàng chi phí tố tụng là 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 401, 463, 465, 466, 468; 470 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P về việc yêu cầu ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị T3 trả nợ.

2. Buộc ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị T3 có nghĩa vụ trả nợ gốc lãi cho Ngân hàng TMCP P tính đến ngày 12/12/2024 như sau:

- Nợ gốc là 270.000.000 đồng;

- Nợ lãi là 30.388.362 đồng, trong đó, lãi trong hạn là 27.233.254 đồng; lãi quá hạn là 2.037.363 đồng; lãi chậm trả là 1.117.745 đồng.

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 12/12/2024) cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP P, ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị T3 còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ cho đến khi trả hết nợ.

4. Trường hợp trong các hợp đồng này, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của bên cho vay phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm xác lập hợp đồng, thì lãi suất mà bên vay phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của bên cho vay.

5. Trường hợp ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị T3 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 3201m^2, thửa đất số 16, tờ bản đồ số 23 xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do Ủy ban nhân dân huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (chỉnh lý trang tư) cấp cho bà Nguyễn Thị L1 vào ngày 12/6/2023.

(Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0002/2024/CNE/HĐTC ngày 10/01/2024 và được công chứng tại Văn phòng C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, số công chứng 121, quyển số 01/2024 TP/CC-SCC/HĐGD được ký kết giữa Ngân hàng TMCP P-Chi nhánh R và bà Nguyễn Thị L1).

6. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.019.000đ *(Mười lăm triệu, không trăm mười chín ngàn đồng)*; Ngân hàng TMCP P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.861.000đ *(Sáu triệu, tám trăm sáu mươi mốt ngàn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng số 0000762 ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

7. *Chi phí tố tụng*: Ông Nguyễn Hữu L và bà Nguyễn Thị T3 phải hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP P chi phí tố tụng là 2.000.000đ *(Hai triệu đồng)*.

8. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND h.Xuyên Mộc;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Chi Cục THADS H.Xuyên Mộc;
- Lưu hồ sơ, VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trần Hiển